

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - GIA LAI**

Bản án số: 62/2026/HS-ST

Ngày: 17 - 8 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thy Thy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp - Nguyên Phó hiệu trưởng Trường THCS Võ Thị Sáu;

2. Bà Nguyễn Thị Châu - Nguyên Hiệu trưởng Trường THPT Dân tộc nội trú Đak Đoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại Tòa án nhân khu vực 10 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2026/TLST-HS ngày 19 tháng 06 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

NGUYỄN CỬ MINH TUẤN, sinh ngày 25/04/2006, tại thành phố H; số CCCD: 046206003673; giới tính: Nam; nơi thường trú: Phòng D, tổ A, khu V, phường H, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; Con ông: Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Ngày 11/6/2025, bị Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Gia Lai) xét xử, tuyên phạt 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” vào ngày 05/9/2024, quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Bị cáo chấp hành án tại Trại giam Đ1 đến ngày 10/01/2026, trở về địa phương sinh sống. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 12/6/2026 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Anh Trần Quang V, sinh năm 2008; địa chỉ: Số C Y, phường B, tỉnh Đăk Lăk.

- Anh Nguyễn Công D, sinh năm 2003; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường K, Thành phố H.

- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 2005; địa chỉ: Khu V, phường M, Thành phố Cần Thơ.

- Anh Bùi Văn P, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ A Tổ dân phố L, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Anh Lê Nguyễn Thành L1, sinh năm 2005. Địa chỉ: Khu phố A, phường M, tỉnh Lâm Đồng.

- Chị H Du Lệ B, sinh năm 2008. Địa chỉ: Buôn B, xã K, tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Dương Văn C, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn I, xã V, tỉnh Đắk Lắk.

- Chị Phạm Quỳnh N, sinh năm 2005. Địa chỉ: T, xã B, tỉnh Lâm Đồng..

- Chị Lưu Hoàng N1, sinh năm 2000. Địa chỉ: Thôn E, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 10/2023, do không có tiền tiêu xài nên Nguyễn Cũ Minh T1 nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng. T1 tạo tài khoản mạng xã hội Facebook mang tên “Nguyễn Hồng D1” (đến đầu năm 2024, tài khoản này được đổi tên thành “Tuân N2”) rồi sử dụng máy tính bàn và điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS MAX màu đen lên mạng Internet tải các hình ảnh xe mô tô rồi đăng bài lên trên trang cá nhân và các hội nhóm có nội dung: “bán xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, kiểu dáng Sirius từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng...” kèm các hình ảnh về xe mô tô đã tải trên mạng. Khi có khách liên hệ hỏi mua xe thì T1 nhắn tin qua ứng dụng Messenger để thỏa thuận mua bán. Sau đó, T1 đưa ra nhiều lý do khác nhau như yêu cầu người mua đặt cọc trước một khoản tiền, tiền sang tên xe mô tô, tiền bấm biển số, tiền vận chuyển, tiền xăng xe, ăn uống, đi lại... yêu cầu người mua chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng số 0382741043 mang tên NGUYEN CU MINH TUAN thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q. Sau khi nhận được tiền do người mua chuyển, T1 chặn liên lạc nhằm chiếm đoạt số tiền của người mua xe đã chuyển khoản.

Với cùng phương thức thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ ngày 31/10/2023 đến ngày 30/9/2024, Nguyễn Cũ Minh T1 đã thực hiện 06 lần hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, như sau:

Lần thứ 1: Từ ngày 31/10/2023 đến ngày 01/11/2023, anh Trần Quang V (Sinh ngày 23/10/2008, trú tại số C Y nổi dài, phường B, tỉnh Đắk Lắk) có nhu cầu mua xe mô tô, anh V xem được bài đăng bán xe mô tô của Nguyễn Cũ Minh T1 từ tài khoản facebook “Nguyễn Hồng D1” nên đã liên hệ mua và chuyển khoản tiền cọc đến tài khoản ngân hàng số 0382741043 mang tên NGUYEN CU MINH TUAN thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q với số tiền 2.000.000 đồng, sau khi nhận được tiền đặt cọc T1 chặn liên lạc với anh V.

Lần thứ 2: Ngày 08/11/2023, anh Nguyễn Công D (Sinh ngày 05/8/2003, trú tại tổ dân phố Đ, phường K, thành phố H) đặt mua xe mô tô trên mạng xã hội Facebook của Nguyễn Cũ Minh T1, sau đó chuyển khoản tổng số tiền là 6.500.000

đồng đến tài khoản ngân hàng số 0382741043 mang tên NGUYEN CU MINH TUAN thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q để đặt cọc, sau khi nhận được tiền đặt cọc T1 chặn liên lạc với anh D.

Lần thứ 3: Ngày 27/11/2023, anh Nguyễn Văn Đ (Sinh ngày 03/5/2005, trú tại khu vực M, phường M, thành phố Cần Thơ) chuyển số tiền số tiền 3.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng số 0382741043 mang tên NGUYEN CU MINH TUAN thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q để đặt mua xe trên mạng xã hội Facebook, sau khi nhận được tiền đặt cọc T1 chặn liên lạc với anh Đ.

Lần thứ 4: Ngày 10/01/2024, do có nhu cầu mua xe mô tô, anh Bùi Văn P (Sinh ngày 28/5/1998, trú tại Tổ A tổ dân phố L, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng) chuyển số tiền số tiền 2.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng số 0382741043 mang tên NGUYEN CU MINH TUAN thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q để đặt mua xe trên mạng xã hội Facebook, sau khi nhận được tiền đặt cọc T1 chặn liên lạc với anh P.

Lần thứ 5: Ngày 13/4/2024, do có nhu cầu mua xe mô tô nên anh Lê Nguyễn Thành L1 (Sinh ngày 26/7/2005, trú tại khu phố A, phường M, tỉnh Lâm Đồng) đặt mua trên Facebook của Nguyễn Cũ Minh T1 và đã chuyển khoản 03 lần với tổng số tiền 2.000.000 đồng đến số tài khoản 0382741043 mang tên NGUYEN CU MINH TUAN thuộc ngân hàng Q nhằm mục đích mua xe mô tô kiểu dáng Sirius để sử dụng làm phương tiện đi lại, sau khi nhận được tiền đặt cọc T1 chặn liên lạc với anh L1.

Lần thứ 6: Từ ngày 25/9/2024 đến ngày 30/9/2024, do có nhu cầu mua xe mô tô, chị H Du Lệ B1 (Sinh ngày 05/10/2008, trú tại buôn B, xã K, tỉnh Đắk Lắk) đặt mua xe mô tô trên Facebook của Nguyễn Cũ Minh T1, đặt cọc và chuyển khoản tổng số tiền tiền 9.501.000 đồng đến số tài khoản 0382741043 mang tên NGUYEN CU MINH TUAN thuộc ngân hàng Q nhằm mục đích mua xe mô tô, sau khi nhận được tiền đặt cọc T1 chặn liên lạc với chị B1.

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Cũ Minh T1 chiếm đoạt 06 lần là 25.001.000 đồng.

Ngoài ra, với thủ đoạn như trên bị cáo Nguyễn Cũ Minh T1 còn thực hiện 18 lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản với giá trị tài sản chiếm đoạt của mỗi người đều dưới 2.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bị cáo chiếm đoạt 18 lần là 13.100.000 đồng.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Đối với 01 máy tính để bàn và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS MAX màu đen là phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã được giải quyết tại vụ án khác nên không xem xét.

* Phần dân sự: Nguyễn Cũ Minh T1 đã tự nguyện bồi thường cho anh Trần Quang V số tiền 2.000.000 đồng, anh Lê Nguyễn Thành L1 số tiền 2.000.000 đồng, chị H Du Lệ B1 số tiền 9.500.000 đồng. Anh V, anh L1 và chị B1 đã nhận số tiền bồi thường và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự. Anh Nguyễn Công D, anh Nguyễn Văn Đ, anh Bùi Văn P tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Ngoài ra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lưu Hoàng N1 tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường, anh Dương Văn C và chị Phạm Quỳnh N chưa có yêu cầu về mặt dân sự.

Cáo trạng số 19/CT-VKSKV10 ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Gia Lai truy tố bị cáo Nguyễn Cũ Minh T1 về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự.

2. Diễn biến tại phiên tòa:

Ý kiến của Kiểm sát viên: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Cũ Minh T1 phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự; áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, i khoản 1 Điều 52, Điều 50 Bộ luật hình sự;

* Ngoài ra, áp dụng theo tinh thần có lợi cho bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 119, khoản 3 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cũ Minh T1 mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh Trần Quang V số tiền 2.000.000 đồng, anh Lê Nguyễn Thành L1 số tiền 2.000.000 đồng, chị H Du Lê B1 số tiền 9.500.000 đồng. Anh V, anh L1 và chị B1 đã nhận số tiền bồi thường và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự. Anh Nguyễn Công D, anh Nguyễn Văn Đ, anh Bùi Văn P tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Ngoài ra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lưu Hoàng N1 tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường, anh Dương Văn C và chị Phạm Quỳnh N chưa có yêu cầu về mặt dân sự.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Cũ Minh T1 thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đầy đủ lời khai trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở xác định: Từ tháng 10/2023 đến tháng 9/2024, bằng thủ đoạn gian dối Nguyễn Cũ Minh T1 đưa ra thông tin không có thật trên mạng xã hội Facebook về việc bán xe mô tô bị cáo Nguyễn Cũ Minh T1 đã thực hiện hiện 06 lần chiếm đoạt của anh Trần Quang V số tiền 2.000.000 đồng, anh Nguyễn Công D số tiền 6.500.000 đồng, anh Nguyễn Văn Đ số tiền 3.000.000 đồng, anh Bùi Văn P số tiền 2.000.000 đồng, anh Lê Nguyễn Thành L1 số tiền 2.000.000 đồng, chị H Du Lệ B1 số tiền 9.501.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của 06 bị hại là 25.001.000 đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Gia Lai truy tố bị cáo Nguyễn Cũ Minh T1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[4] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Quyền sở hữu tài sản của công dân là bất khả xâm phạm, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm trái phép đến quyền sở hữu tài sản của người khác đều bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức rõ việc đưa ra thông tin không có thật về việc bán xe mô tô để tạo lòng tin, yêu cầu người khác chuyển tiền rồi chiếm đoạt là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook, đưa ra thông tin gian dối về việc bán xe mô tô nhằm tạo lòng tin, yêu cầu các bị hại chuyển tiền rồi chiếm đoạt. Bị cáo thực hiện hành vi nhiều lần, đối với nhiều người, chiếm đoạt tổng số tiền 25.001.000 đồng. Hành vi của bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn lợi dụng không gian mạng để thực hiện hành vi phạm tội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án có bị hại là anh Trần Quang V (Sinh ngày 23/10/2008), bị cáo T1 chiếm đoạt tài sản ngày 31/10/2023 khi anh V chưa đủ 16 tuổi; Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 06 lần, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự ‘phạm tội 02 lần trở lên...’. Nên hành vi của bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi*” quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho các bị hại anh Trần Quang V, anh Lê Nguyễn Thành L1, chị H Du Lệ B1; các bị hại anh V, anh L1, chị B1 đã nhận tiền bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội từ ngày 31/10/2023 đến ngày 13/4/2024 bị cáo thực hiện 22 lần hành vi phạm tội nhưng chưa đủ 18 tuổi nên được xem xét quy định có lợi cho người phạm tội theo quy định của Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên khi xem xét áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

Đối với 18 lần chiếm đoạt tài sản có giá trị mỗi lần chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng, trong đó có 03 lần xác định người bị chiếm đoạt tài sản gồm anh Dương Văn C số tiền 1.000.000 đồng, chị Phạm Quỳnh N số tiền 1.000.000 đồng, anh Lưu Hoàng N1 số tiền 1.000.000 đồng, còn 15 lần chiếm đoạt với tổng số tiền 10.100.000 đồng, Cơ quan điều tra đã thông báo tìm người bị chiếm đoạt nhưng đến nay chưa lấy được lời khai. Tuy nhiên, các lần lừa đảo này số tiền chiếm đoạt từng lần đều dưới 2.000.000 đồng và không có các yếu tố định tội khác nên không đủ căn cứ để xử lý.

[6] Về hình phạt: Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, số lần phạm tội, số tiền chiếm đoạt, nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, đối với nhiều bị hại, sử dụng mạng xã hội để thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản; mặc dù có các tình tiết giảm nhẹ nhưng cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Vì vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai tại phiên tòa, bị cáo không có tài sản riêng, thu nhập không ổn định Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Cửu Minh T1 đã tự nguyện bồi thường cho anh Trần Quang V số tiền 2.000.000 đồng, anh Lê Nguyễn Thành L1 số tiền 2.000.000 đồng, chị H Du Lệ B1 số tiền 9.500.000 đồng. Anh V, anh L1 và chị B1 đã nhận số tiền bồi thường và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự. Đối với anh Nguyễn Công Dự B2 chiếm đoạt 6.500.000 đồng, anh Nguyễn Văn Đ bị chiếm đoạt 3.000.000 đồng và anh Bùi Văn P bị chiếm đoạt 2.000.000 đồng, những người này tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lưu Hoàng N1 tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường, anh Dương Văn C và chị Phạm Quỳnh N hiện chưa có yêu cầu về dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Cửu Minh T1 phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự; điểm g, i khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; khoản 1 Điều 119, khoản 3 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cũ Minh T1 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

3. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Cũ Minh T1 phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (17/8/2026) bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Về thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 10 - Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thy Thy